

QUY TRÌNH

**Vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần,
huyện Đăk Tô và huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum**

*(kèm theo Quyết định số: 1460 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần áp dụng đối với:

1. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tân Phát khai thác đập, hồ chứa thủy điện Plei Kần.
2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, vận hành và thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về Quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;

- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương về Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;
- Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi;
- Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về Quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;
- Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ du hồ chứa đập tràn đập dâng;
- Thông tư số 65/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và xây dựng quy trình vận hành hồ chứa;
- Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Điều 3. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình

1. Tên công trình: Công trình thủy điện Plei Kần.
2. Địa điểm xây dựng: Trên sông Đăk Pô Kô, thuộc địa phận xã Đăk Nông và Thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (*bờ phải*) và xã Đăk Rơ Nga, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum (*bờ trái*).
 - Cấp công trình: Công trình cấp III theo QCVN 04-05: 2012/BNNPTNT.
 - Mức nước dâng bình thường (MNDBT): 609,5m.
 - Mức nước chết (MNC): 605,5m.
 - Dung tích toàn bộ (Vtb): 4,558 triệu m³.
 - Dung tích điều tiết (Vhi): 1,604 triệu m³.
 - Công suất lắp máy: 17 MW.
 - Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế/Năng lực xả của tràn với mực nước lũ thiết kế (*tần suất p=0,5%*): 4.260m³/s/4.260m³/s.
 - Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra/Năng lực xả của tràn với mực nước lũ kiểm tra (*tần suất p=1,5%*): 5.780m³/s/5.780m³/s.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

Điều 4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình

Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần nhằm đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ trong quá trình vận hành công trình theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình đầu mối thủy điện Plei Kần, chủ động đề phòng mọi bất trắc với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm; không được để mực nước hồ thủy điện Plei Kần vượt mực nước lũ kiểm tra ở cao trình 614,16m.
2. Cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.
3. Đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu, an toàn cho khu vực hạ du công trình.

Điều 5. Phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt

1. Quy định về phân loại lũ:

- Lũ nhỏ: Là lũ có đỉnh lũ thấp hơn mức lũ trung bình nhiều năm;
- Lũ vừa: Là lũ có đỉnh lũ tương đương mức đỉnh lũ trung bình nhiều năm;
- Lũ lớn: Là lũ có đỉnh lũ cao hơn mức đỉnh lũ trung bình nhiều năm;
- Lũ đặc biệt lớn: Là lũ có đỉnh lũ cao hiếm thấy trong thời kỳ quan trắc;
- Lũ lịch sử: Là lũ có đỉnh lũ cao nhất trong chuỗi số liệu quan trắc hoặc điều tra khảo sát được.

- Tương ứng với điều kiện công trình phân cấp lũ cụ thể như sau:

- + Lũ nhỏ: Lũ có đỉnh lũ nhỏ hơn lũ đến công trình ở tần suất $P=70\%$.
- + Lũ vừa: Lũ có đỉnh lũ tương ứng tần suất $P=70\%$ đến $P=30\%$.
- + Lũ lớn: Lũ có đỉnh lũ tương ứng với tần suất $P=30\%$ đến $P=10\%$.
- + Lũ đặc biệt lớn: Lũ có đỉnh lũ tương ứng với tần suất $P=10\%$ đến $P_{tk}=1,5\%$.

+ Lũ lịch sử: Lũ có đỉnh lũ tương ứng tần suất $\geq P_{tk}=1,5\%$.

2. Quy định về phân loại lũ đối với thủy điện Plei Kần:

- Lũ nhỏ: Lưu lượng đỉnh lũ từ 276 m³/s đến nhỏ hơn 464 m³/s.
- Lũ vừa: Lưu lượng đỉnh lũ từ 464m³/s đến nhỏ hơn 1.005 m³/s.
- Lũ lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ 1.005 m³/s đến nhỏ hơn 1.890 m³/s.
- Lũ đặc biệt lớn: Lưu lượng đỉnh lũ từ 1.890 m³/s đến 2.597 m³/s.
- Lũ lịch sử: Lưu lượng đỉnh lũ lớn hơn 4.090 m³/s.

Cấp độ lũ	Tần suất lũ P (%)	Lưu lượng đỉnh lũ Q (m ³ /s)	Mực nước hồ Zhồ (m)
Lũ nhỏ	> 70	276÷464	609,33÷609,22
Lũ vừa	70 ÷ 30	464÷1.005	609,22÷610,35
Lũ lớn	30 ÷ 10	1.005÷1.890	610,35÷611,13
Lũ đặc biệt lớn	10 ÷ 1,5	1.890÷2.597	611,13÷611,52
Lũ lịch sử	≤ 1,5	4.090	612,95

3. Thời kỳ mùa lũ, mùa cạn để áp dụng các quy định vận hành đối với hồ chứa thủy điện Plei Kân:

- Mùa lũ: Từ ngày 01 tháng 7 đến 30 tháng 11 hàng năm.

- Mùa cạn: Từ ngày 01 tháng 12 đến 30 tháng 6 năm sau.

Điều 6. Trình tự thực hiện đóng, mở cửa van

1. Các cửa van đập tràn được đánh số từ I đến II theo thứ tự từ trái sang phải (*hướng nhìn từ thượng lưu*).

2. Trình tự mở các cửa van đập tràn được quy định tại Bảng 1, trong đó thứ tự mở được thực hiện sau khi hoàn thành thứ tự mở trước đó. Trình tự đóng các cửa van được thực hiện ngược với trình tự mở.

Bảng 1. Trình tự mở các cửa van đập tràn

Độ mở a (m)	Trình tự mở cửa van đập tràn	
	Cửa van I	Cửa van II
0.5	1	6
1	2	7
1.5	3	8
2	4	9
2.5	5	10
3	12	11
3.5	14	13
4	16	15
4.5	18	17
5	20	19
5.5	22	21
6	24	23
6.5	26	25
7	28	27
7.5	30	29
8	32	31
8.5	34	33
9	36	35
9.5	38	37
10	40	39
Cửa van mở hoàn toàn	42	41

Điều 7. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn

1. Công ty Cổ phần Tấn Phát:

- Có trách nhiệm thực hiện việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về Quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi và Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thực hiện việc quan trắc lượng mưa tại đập, mực nước tại thượng lưu và hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả, lưu lượng qua tua bin; dự tính khả năng gia tăng mực nước hồ theo lưu lượng đến hồ với tần suất ít nhất 4 lần một ngày trong mùa lũ vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ theo giờ Hà Nội, 2 lần một ngày trong mùa cạn vào 07 giờ, 19 giờ theo giờ Hà Nội. Trường hợp vận hành chống lũ, tần suất quan trắc và tính toán tối thiểu một giờ một lần.

2. Thời gian, thông số và các yếu tố phải tiến hành quan trắc, tính toán tương ứng với mực nước hồ trong thời gian mùa lũ được quy định tại Bảng 2 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác.

Bảng 2. Thông số, các yếu tố và thời gian quan trắc trong mùa lũ

Thông số, yếu tố quan trắc, tính toán		Thời hạn quan trắc ít nhất (số giờ/ lần)				
		Lượng mưa	Lưu lượng vào hồ	Lưu lượng xả qua tràn, qua tua bin	Mực nước hồ và mực nước hạ lưu đập tràn	Tình trạng công trình
Mực nước hồ \leq MNDBT (609,5m)	Chưa mở cửa van đập tràn	6	6	6	6	12
	Đang mở cửa van đập tràn	1	1	1	1	6
Mực nước hồ $>$ MNDBT (609,5m) và $<$ MNLTK (613,18m)		1	1	1	1	4
Mực nước hồ \geq MNLTK (613,18m)		1	0,25	0,25	0,25	1

Điều 8. Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực sông và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện:

1. Tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa do cấp có thẩm quyền ban hành. Trong thời gian hồ chứa thủy điện Plei Kần chưa được bổ sung vào quy trình vận hành liên hồ chứa, Công ty Cổ phần Tấn Phát phải phối hợp với các đơn vị quản lý vận hành các công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Đăk Pô Kô để xây dựng quy chế phối hợp vận hành, thống nhất với Ban chỉ huy

phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện vùng bị ảnh hưởng báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để vận hành đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du.

2. Trong quá trình vận hành công trình thủy điện Plei Kần, Công ty Cổ phần Tấn Phát phải thường xuyên cung cấp, trao đổi cập nhật thông tin với các công trình thủy điện, thủy lợi có liên quan trên lưu vực sông Đăk Pô Kô để vận hành tối ưu và an toàn.

Điều 9. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện, bao gồm:

1. Hiệu lệnh thông báo xả nước qua các cửa van đập tràn:

a) Khi các cửa van đập tràn đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi xả, kéo 3 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

b) Ngay trước khi xả nước qua cửa van đập tràn, kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

c) Khi lưu lượng lũ đến hồ đạt $1005 \text{ m}^3/\text{s}$ và tiếp tục tăng, trước mỗi lần vận hành 6 độ mở cửa van đập tràn tiếp theo phải kéo 2 hồi còi dài 30 giây và cách nhau 10 giây.

d) Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp bằng điện thoại đến Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Tô và Ủy ban nhân dân các xã dọc lưu vực sông Đăk Pô Kô. Hiệu lệnh xả là kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 05 giây; sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được phép xả, lưu lượng xả tăng dần.

e) Khi các cửa van kết thúc xả nước thì kéo 1 hồi còi dài 30 giây.

f) Ngoài các hiệu lệnh thông báo theo quy định từ Khoản 1 đến Khoản 4 Điều này, Công Ty cổ phần Tấn Phát phải thông báo qua hệ thống cảnh báo được lắp đặt phía hạ du công trình quy định tại Khoản 12 Điều 24 của Quy trình này.

2. Hiệu lệnh thông báo xả nước qua công xả cát và vận hành phát điện:

a) Khi công xả cát đang ở trạng thái đóng hoàn toàn: 30 phút trước khi xả, kéo 3 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây.

b) Khi công xả cát kết thúc xả nước xuống hạ lưu thì kéo 1 hồi còi dài 30 giây.

c) Trước khi xả nước qua các tổ máy phát điện kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.

d) Khi xảy ra các trường hợp đặc biệt cần xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn công trình phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp bằng điện thoại đến Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Tô và Ủy ban nhân dân các xã dọc lưu vực sông Đăk Pô Kô. Hiệu lệnh xả là kéo 5 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 05 giây; sau khi kết thúc hiệu lệnh mới được phép xả, lưu lượng xả tăng dần.

e) Ngoài các hiệu lệnh thông báo theo quy định từ Điểm a đến Điểm d Khoản 2 Điều này, phải thông báo qua hệ thống cảnh báo đã lắp đặt phía hạ du công trình được quy định tại Khoản 12 Điều 24 của Quy trình này.

g) Công ty Cổ phần Tấn Phát phải thông báo đến chính quyền cấp xã và các cơ quan liên quan biết trước khi vận hành xả nước.

Điều 10. Quy định về dòng chảy tối thiểu

Được quy định theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của cấp có thẩm quyền hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh, UBND cấp huyện khi hạn hán, thiếu nước.

Chương II VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 11. Quy định về mực nước trước lũ, đón lũ

Quy định về mực nước trước lũ của hồ chứa thủy điện Plei Kần không được vượt quá mực nước dâng bình thường ở cao trình 609,5m.

Điều 12. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa lũ

1. Khi vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần chống lũ cho hạ du phải tuân thủ về trình tự, phương thức đóng, mở cửa đập tràn quy định tại Điều 6 của Quy trình này, đảm bảo không gây lũ nhân tạo đột ngột, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của nhân dân khu vực ven sông và hạ du hồ chứa.

2. Trong thời kỳ mùa lũ quy định tại Điều 5 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành chống lũ cho hạ du, mực nước hồ chứa thủy điện Plei Kần không được vượt cao trình mực nước dâng bình thường 609,5m.

3. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước hồ chứa, lưu lượng nước đến hồ và các bản tin dự báo tiếp theo để vận hành, điều tiết cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 13. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/giảm lũ cho hạ du, phát điện

Căn cứ dự báo của cơ quan dự báo khí tượng, thủy văn có thẩm quyền và quan trắc, dự báo của Công ty Cổ phần Tấn Phát về số liệu mưa, lưu lượng lũ vào hồ và mực nước hồ chứa, phương thức vận hành điều tiết lũ như sau:

1. Nguyên tắc cơ bản: Duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 609,5m bằng chế độ xả nước qua các tổ máy phát điện, đóng mở cửa van đập tràn đến khi toàn bộ các cửa van đập tràn mở hoàn toàn.

2. Trong mọi trường hợp vận hành bình thường từ thời điểm lũ vào hồ đến khi đạt đỉnh, việc vận hành hồ chứa phải đảm bảo tổng lưu lượng xả qua công trình về hạ du không được lớn hơn lưu lượng tự nhiên vào hồ với sai số cho phép là 50% chênh lệch tổng lưu lượng xả của 01 trình tự mở cửa van đập tràn liên kế trước hoặc sau.

3. Trình tự, phương thức đóng mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy trình này.

4. Không cho phép nước tràn qua đỉnh cửa van đập tràn trong mọi trường hợp vận hành xả lũ.

5. Sau đỉnh lũ, phải vận hành để mực nước hồ về mức tối đa là cao trình mực nước dâng bình thường 609,5m.

6. Nếu điều kiện hạ du cho phép và sau khi có lệnh của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, được xả điều tiết trước lũ với lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ để hạ mực nước hồ nhằm chủ động vận hành an toàn cho công trình và hạ du nhưng không thấp hơn cao trình 605,5m.

Điều 14. Vận hành hồ chứa bảo đảm an toàn cho công trình

1. Không cho phép sử dụng phần dung tích hồ từ cao trình mực nước dâng bình thường 609,5m đến cao trình mực nước lũ kiểm tra 614,16m để điều tiết cắt, giảm lũ khi các cửa van đập tràn chưa ở trạng thái mở hoàn toàn.

2. Cho phép Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Phát quyết định vận hành cửa van đập tràn khác với quy định tại Điều 5 của quy trình này trong các trường hợp xảy ra sự cố hoặc những tình huống bất thường và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Trường hợp đập hoặc các thiết bị của công trình bị hư hỏng hoặc sự cố đòi hỏi phải tháo nước nhằm vận hành đảm bảo an toàn công trình, trước khi tháo nước Công ty Cổ phần Tân Phát phải lập phương án, kế hoạch cụ thể đảm bảo không chế tốc độ hạ thấp mực nước sao cho không gây mất an toàn cho đập, các công trình ở tuyến đầu mối và hạ du.

4. Trách nhiệm phát hiện và xử lý sự cố hoặc những tình huống bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Quy trình này.

Điều 15. Tích nước cuối mùa lũ: Sau đỉnh lũ, phải đưa mực nước hồ về cao trình tối đa ở mực nước dâng bình thường 609,5m.

Chương III VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA KIẾT

Điều 16. Nguyên tắc vận hành hồ trong mùa kiệt

1. Vận hành hồ theo các thời kỳ và điều tiết ngày đêm.

2. Việc vận hành công trình phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012, với lưu lượng được xác định trong Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước do cấp có thẩm quyền cấp.

3. Việc xả bùn cát được thực hiện kết hợp với quá trình xả nước của đập tràn cửa van theo quy định tại Điều 6 của Quy trình này.

Điều 17. Vận hành phát điện, xả nước trong mùa kiệt

1. Nguyên tắc chung: Phải tuân thủ phương thức và lệnh điều độ của cấp điều độ có quyền điều khiển đối với nhà máy thủy điện Plei Kần.

2. Khi mực nước hồ đang ở cao trình mực nước dâng bình thường 609,5m mà lưu lượng đến hồ lớn hơn hoặc bằng lưu lượng phát điện thiết kế của nhà máy cùng thời điểm, ưu tiên phát điện với lưu lượng lớn nhất có thể qua tua bin, lưu lượng còn lại sau khi phát điện phải vận hành cửa van đập tràn để duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình 609,5m.

a) Trình tự, phương thức đóng mở cửa van đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy trình này.

b) Hiệu lệnh thông báo xả nước qua đập tràn thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy trình này.

3. Khi mực nước hồ nằm trong khoảng từ cao trình mực nước chết 605,5m đến dưới cao trình mực nước dâng bình thường 609,5m:

a) Trong trường hợp lưu lượng về hồ lớn hơn lưu lượng phát điện thiết kế của nhà máy, theo nhu cầu của hệ thống điện và lưu lượng thực tế về hồ vận hành phát điện để tận dụng tối đa lưu lượng nước đến hồ, giảm xả thừa.

b) Trong trường hợp lưu lượng về hồ lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin và nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng phát điện thiết kế của nhà máy, theo nhu cầu thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin.

c) Khi mực nước hồ lớn hơn cao trình mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin, theo nhu cầu thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin.

d) Khi mực nước hồ đang ở cao trình mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin, nhà máy dừng phát điện.

4. Trước khi vận hành xả nước phát điện tổ máy đầu tiên và các tổ máy tiếp theo, Công ty Cổ phần Tấn Phát phải thông báo qua hệ thống cảnh báo được lắp đặt phía hạ du công trình quy định tại Khoản 12 Điều 24 của Quy trình này.

Điều 18. Vận hành bảo đảm mực nước trong mùa kiệt

Việc vận hành xả nước đảm bảo mực nước và dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa thủy điện Plei Kần được thực hiện thông qua các tua bin khi phát điện, ống xả môi trường hoặc cửa van đập tràn.

Điều 19. Vận hành điều tiết lũ trong mùa kiệt

Ngoài thời gian mùa lũ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy trình này, khi xảy ra một trong các tình huống bất thường được quy định dưới đây, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tấn Phát báo cáo ngay Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định việc vận hành hồ nhà máy thủy điện Plei Kần theo chế độ vận hành trong mùa lũ quy định tại Quy trình này:

1. Khi xuất hiện lũ ở thượng lưu hồ vượt quá lưu lượng xả tối đa qua phát điện của công trình.

2. Khi Tổng cục Khí tượng thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên.

3. Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ sự cố công trình xả hoặc sự cố của các hạng mục bảo đảm an toàn công trình.

4. Các tình huống khác có nguy cơ đe dọa đến an toàn công trình, khu vực hạ du do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định. Việc xem xét, quyết định các phương án vận hành hồ chứa trong các tình huống bất thường quy định tại Điều này phải đảm bảo an toàn công trình.

Chương IV **CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC**

Điều 20. Vận hành hồ chứa khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước

Khi khu vực hạ du của hồ chứa thủy điện Plei Kần có nhu cầu lượng nước xả khác với quy định tại Quy trình này thì cơ quan có nhu cầu phải xin ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh và Công ty Cổ phần Tấn Phát. Sau khi thống nhất về lưu lượng và kế hoạch thời gian xả nước với các cơ quan, đơn vị nêu trên, Công ty Cổ phần Tấn Phát thông báo ngay cho Cấp điều độ hệ thống điện có quyền điều khiển để phối hợp, bố trí kế hoạch huy động nhà máy thủy điện Plei Kần phát điện đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước, đồng thời tổ chức thực hiện và báo cáo Sở Công Thương để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 21. Vận hành hồ chứa khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường

Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước trên lưu vực sông Đăk Pô Kô, Công ty Cổ phần Tấn Phát phải tuân thủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 56 Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017.

Trong trường hợp xảy ra ô nhiễm nguồn nước hoặc khi xảy ra các trường hợp khẩn cấp khác trên lưu vực sông Đăk Pô Kô, Công ty Cổ phần Tấn Phát phải tuân thủ theo lệnh điều hành vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 25 và Điểm a, b, c, d và e khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Điều 22. Vận hành hồ chứa thủy điện cấp nước cho thủy lợi

Việc vận hành công trình cấp nước cho thủy lợi được xác định trong Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước do cấp có thẩm quyền cấp.

Chương V **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 23. Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình

Công ty cổ phần Tấn Phát có trách nhiệm xây dựng Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần theo mẫu quy định tại Phụ lục V, Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương và lập hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại khoản 1 trình cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định quy trình theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ. Các đơn vị được quy định trách nhiệm trong quy trình này phải tổ chức và phối hợp thực hiện theo đúng quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tấn Phát.

1. Ban hành và thực hiện lệnh vận hành công trình theo quy định trong quy trình này.

2. Trước khi vận hành mở cửa van đập tràn từ trạng thái đóng hoàn toàn trong mỗi trận lũ, phải thông báo trước 02 giờ đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, huyện Đắk Tô để chỉ đạo chống lũ cho hạ du, đồng thời thông báo cho Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, các Chủ đập và nhân dân ở phía hạ lưu công trình thủy điện Plei Kần biết, chủ động phòng tránh thiệt hại có thể xảy ra.

3. Trước khi vận hành mở cửa van cống xả cát để xả bùn, cát, Công ty cổ phần Tấn Phát phải thông báo trước 02 giờ đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, huyện Đắk Tô.

4. Trong trường hợp xảy ra những tình huống bất thường hoặc sự cố, Công ty cổ phần Tấn Phát phải triển khai ngay các biện pháp ứng phó phù hợp, kịp thời; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Công Thương và thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, huyện Đắk Tô, Nhân dân ở phía hạ lưu công trình thủy điện Plei Kần để kịp thời phối hợp, ứng phó cần thiết.

5. Sau mùa lũ hàng năm, phải lập báo cáo tổng kết gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, huyện Đắk Tô về việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần, đánh giá kết quả khai thác, tính hợp lý, những hạn chế và nêu những kiến nghị nếu có.

6. Thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai (*sau đây viết tắt là BCHPCTT*) công trình thủy điện Plei Kần. Cơ cấu thành phần của BCHPCTT công trình thủy điện Plei Kần tối thiểu như sau:

a) Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tấn Phát - Trưởng ban: Chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung;

b) Phó Trưởng ban: Thay Trưởng ban khi Trưởng ban vắng mặt;

c) Các Ủy viên phụ trách kỹ thuật, vận hành, sửa chữa và hành chính;

d) Đại diện ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, tỉnh: Ủy viên.

7. Trước ngày 15 tháng 4 hằng năm gửi báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Kiểm định đập lần đầu: Thực hiện trong năm thứ ba kể từ ngày tích nước đến mực nước dâng bình thường hoặc trong năm thứ năm kể từ ngày tích nước. Kiểm định đập định kỳ: 5 năm/lần kể từ lần kiểm định gần nhất; Báo cáo kết quả kiểm định về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập.

9. Giám sát quá trình khai thác sử dụng nước tại hồ chứa và khu vực hạ lưu công trình thủy điện Plei Kần chịu ảnh hưởng của việc vận hành hồ chứa; hàng năm lập kế hoạch điều tiết nước hồ chứa và tổ chức thông báo kế hoạch điều tiết nước theo quy định tại Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về Quản lý, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi. Giám sát việc thực hiện, duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 47/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

10. Có trách nhiệm lập, rà soát, điều chỉnh, bổ sung hàng năm phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

11. Thực hiện quan trắc công trình đập, hồ chứa nước theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

12. Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh khảo sát, lập phương án và thực hiện lắp đặt hệ thống cảnh báo phía hạ du công trình thủy điện Plei Kần để thông báo đến người dân phía hạ du trong quá trình vận hành điều tiết lũ và phát điện của công trình thủy.

13. Định kỳ, hàng quý trong mùa kiệt và hàng tháng trong mùa lũ, phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Tô về việc vận hành hồ chứa theo quy định tại Khoản 6 Điều 24 Thông tư 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương về Quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện.

14. Chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan được quy định tại Điều 25 của Quy trình này.

Điều 25. Trách nhiệm của Trưởng Ban BCHPCTT công trình thủy điện Plei Kần

1. Chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống thiên tai cho công trình và hạ du, cụ thể:

a) Tổ chức quan trắc, thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng, thủy văn.

b) Kiểm tra tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để đảm bảo tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.

c) Thi hành lệnh đóng, mở cửa van đập tràn. Trong trường hợp lệnh đóng, mở cửa van đập tràn trái với quy định trong Quy trình này, phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.

2. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, lập kế hoạch xả và tích nước hồ chứa, cụ thể đề cập đến các vấn đề sau:

a) Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa.

b) Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, thiết bị phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành chống lũ.

c) Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới đảm bảo vận hành an toàn các tổ máy phát điện.

d) Các nguồn cung cấp điện (*kể cả nguồn điện dự phòng*).

đ) Phương án và các phương tiện thông tin liên lạc.

e) Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố.

g) Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi.

h) Công tác tính toán, dự báo về khí tượng, thủy văn; các tài liệu và phương tiện cần thiết cho tính toán điều tiết hồ chứa.

i) Diễn tập và kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ như tính toán, đóng mở cửa van, thông báo thử cho các chức danh có liên quan.

k) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan của tỉnh Kon Tum để thông báo và tuyên truyền đến nhân dân vùng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác phòng, chống thiên tai của hồ chứa thủy điện Plei Kần, đặc biệt là với nhân dân sinh sống gần hạ lưu công trình.

3. Sau mỗi trận lũ và mùa lũ, phải tiến hành ngay các công tác sau:

a) Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn của công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ lưu đập tràn;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương kiểm tra thiệt hại vùng hạ du;

c) Lập báo cáo diễn biến lũ;

d) Sửa chữa những hư hỏng nguy hiểm đe dọa đến sự ổn định, an toàn công trình và thiết bị;

đ) Báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Công Thương kết quả thực hiện những công tác trên.

4. Trong thời gian không quá 30 phút kể từ thời điểm kết thúc lần quan trắc, đo đạc, tính toán theo quy định tại Điều 7 của Quy trình này, phải cung cấp toàn bộ số liệu cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Tô, gồm:

- a) Mức nước thượng lưu, mức nước hạ lưu hồ;
- b) Lưu lượng vào hồ, lưu lượng xả, lưu lượng qua tuốc bin;
- c) Dự tính khả năng gia tăng mực hồ khi tính theo lưu lượng đến hồ;
- d) Lượng mưa tại đập chính;
- đ) Trạng thái làm việc của công trình.

Điều 26. Trách nhiệm của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh

1. Theo dõi diễn biến tình hình mưa lũ và việc vận hành công trình thủy điện Plei Kần để chỉ đạo phòng, chống lũ lụt và xử lý các tình huống bất thường có ảnh hưởng đến an toàn hạ du.

2. Khi nhận được báo cáo việc vận hành đóng, mở cửa van đập tràn hồ chứa thủy điện Plei Kần, phải đồng thời triển khai ngay các công tác sau:

a) Các biện pháp đối phó phù hợp với từng tình huống nhằm hạn chế tác hại do việc đóng, mở các cửa van đập tràn gây ra;

b) Thông báo và chỉ đạo các địa phương, tổ chức, đơn vị liên quan trong địa bàn tỉnh Kon Tum triển khai các biện pháp đối phó phù hợp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các tác hại do việc xả lũ của công trình gây ra;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

3. Chỉ đạo cơ quan phòng chống thiên tai huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Tô và các địa phương, tổ chức liên quan phối hợp với Công ty cổ phần Tấn Phát trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành công trình thủy điện Plei Kần.

4. Căn cứ vào điều kiện thực tế của công trình, hạ du và dự báo tình hình thời tiết, dòng chảy về hồ, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định ban hành lệnh vận hành hồ chứa Plei Kần trong trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 13 của Quy trình này.

5. Phối hợp với Công ty Cổ phần Tấn Phát xác định vị trí lắp đặt hệ thống cảnh báo phía hạ du công trình thủy điện Plei Kần trong quá trình vận hành xả lũ và phát điện nhà máy thủy điện Plei Kần.

6. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

Điều 27. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương

1. Kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Tấn Phát thực hiện các quy định trong Quy trình này.

2. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Định kỳ 5 năm, trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần do Công ty Cổ phần Tấn Phát gửi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

4. Định kỳ hàng năm, trên cơ sở Báo cáo hiện trạng an toàn đập công trình thủy điện Plei Kần do Công ty Cổ phần Tấn Phát gửi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

Điều 28. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước;

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát Công ty Cổ phần Tấn Phát thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

3. Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành hồ liên quan trong địa bàn tỉnh phối hợp với Công ty Cổ phần Tấn Phát thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

5. Quyết định việc vận hành hồ thủy điện Plei Kần trong các tình huống bất thường quy định tại Quy trình này; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại.

6. Chỉ đạo Công ty Cổ phần Tấn Phát thực hiện việc đảm bảo an toàn hồ thuộc phạm vi quản lý của mình; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp số liệu, thông tin, báo cáo cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định và thực hiện việc vận hành hồ theo đúng Quy trình này.

7. Xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

8. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai để chỉ đạo chống lũ cho hạ du trước khi hồ xả lũ khẩn cấp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối.

9. Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của hồ chứa theo quy định tại Quy trình này.

10. Trường hợp do hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu bất thường về sử dụng nước, lập kế hoạch, phương án gửi Bộ Công Thương, Bộ Tài

nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thống nhất chỉ đạo hồ điều tiết xả nước cho hạ du.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi và Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô

Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi và Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô phối hợp với Công ty Cổ phần Tấn Phát trong quá trình vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn công trình trong mùa lũ và giám sát việc duy trì dòng chảy tối thiểu đảm bảo phục vụ sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và các cơ sở sản xuất phía hạ lưu đập theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm về an toàn công trình

1. Lệnh vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần nếu trái với các quy định trong Quy trình này, dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tấn Phát có trách nhiệm xử lý sự cố, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường và thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Tô; các Chủ đập và nhân dân ở thượng, hạ lưu công trình biết, kịp thời phối hợp, ứng phó cần thiết.

3. Tháng 4 hàng năm là thời kỳ tổng kiểm tra trước mùa lũ. Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tấn Phát có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Công Thương để theo dõi chỉ đạo.

4. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị nhưng không thể sửa chữa xong trước ngày 01 tháng 6, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tấn Phát phải có biện pháp xử lý phù hợp kịp thời và báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Sở Công Thương để theo dõi, chỉ đạo và thông báo cho các Chủ đập ở thượng, hạ lưu công trình, Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi và huyện Đăk Tô để kịp thời phối hợp, ứng phó cần thiết.

Điều 31. Phương thức thông tin, báo cáo vận hành công trình

1. Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần đều phải thực hiện bằng văn bản, đồng thời bằng fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, chuyển bản tin bằng mạng vi tính, sau đó văn bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

2. Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, thông báo, trao đổi có liên quan đến việc vận hành hồ thủy điện Plei Kần qua điện thoại phải được ghi âm.

3. Các lệnh, ý kiến chỉ đạo liên quan đến việc vận hành hồ thủy điện Plei Kần qua điện thoại thực hiện theo trình tự như sau:

- a) Người có thẩm quyền phát lệnh vận hành công trình.
- b) Người có thẩm quyền tiếp nhận lệnh nhắc lại lệnh đã nhận được.
- c) Người có thẩm quyền phát lệnh khẳng định lại lệnh đã ban hành.

Điều 32. Chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Plei Kần

1. Trong trường hợp chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Plei Kần từ Công ty cổ phần Tấn Phát sang một đơn vị khác, các quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Công ty và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tấn Phát trong Quy trình này sẽ được quy định cho đơn vị và thủ trưởng đơn vị được chuyển giao.

2. Tất cả các văn bản, hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện Plei Kần đều phải giao nộp cho Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất theo dõi, chỉ đạo.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần

Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Plei Kần, nếu có nội dung chưa hợp lý cần sửa đổi, bổ sung, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tấn Phát, thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải kiến nghị kịp thời bằng văn bản gửi Sở Công Thương để xem xét, quyết định./.

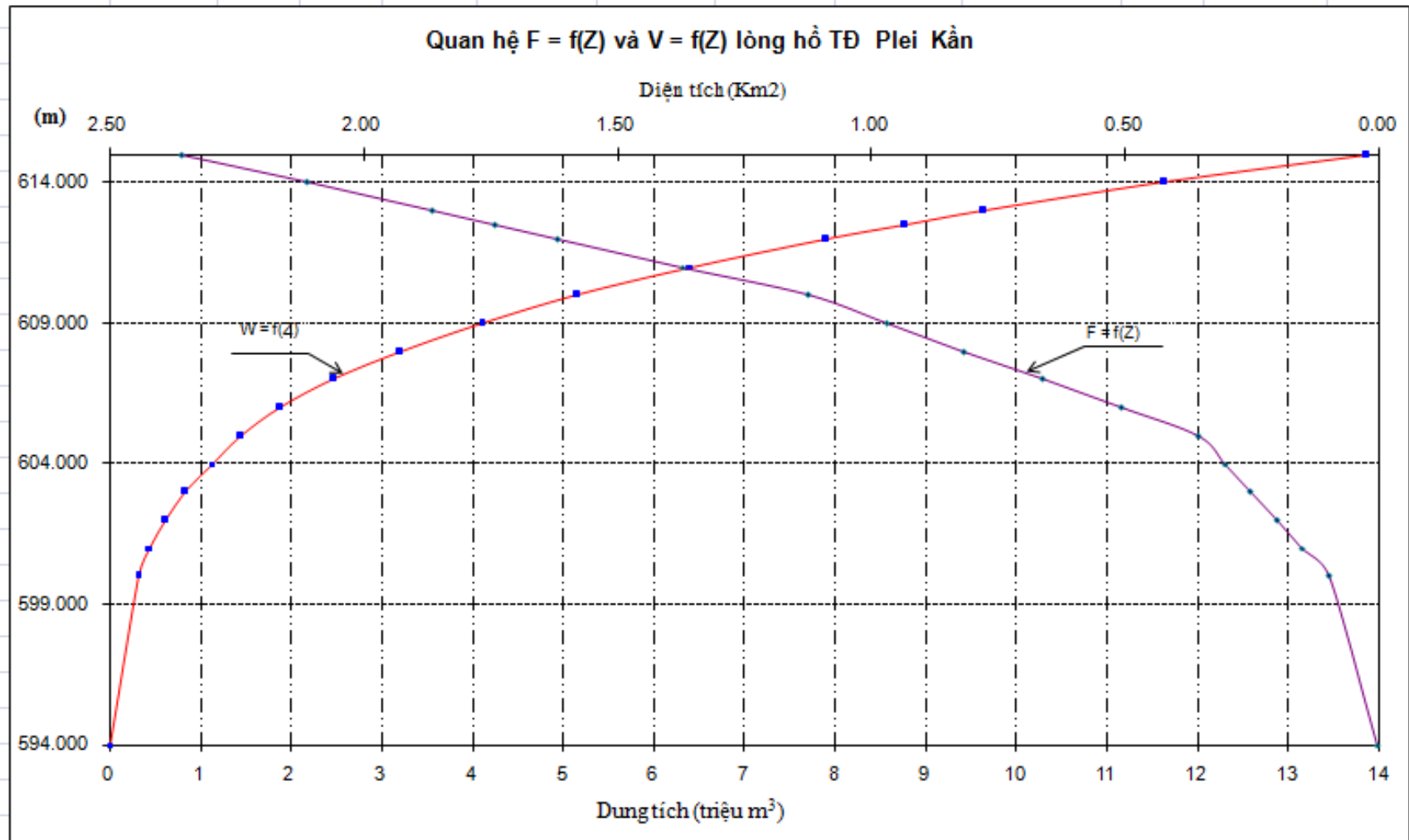
PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH CỦA CÔNG TRÌNH
THỦY ĐIỆN PLEI KÀN

TT	CÁC THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Đặc trưng lưu vực		
1	Diện tích lưu vực tuyển chọn	km ²	1.309
2	Lượng mưa bình quân năm Xo	mm	2.620
3	Dòng chảy trung bình nhiều năm		
	Tổng lượng dòng chảy	10 ⁶ m ³	2.299
	Lưu lượng bình quân năm	Q ₀	71,8
	Lưu lượng đảm bảo (Q _p)p = 85%	m ³ /s	16,10
4	Dòng chảy lũ tính toán (Q _p)		
	Lũ thiết kế p = 1,5%	m ³ /s	4.260
	Lũ kiểm tra p = 0,5%	m ³ /s	5.780
	Lũ dẫn dòng p = 5%	m ³ /s	2.550
	Lũ dẫn dòng p = 10%	m ³ /s	1.890
II	Hồ chứa		
1	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	609,5
2	Mực nước chết	m	605,5
3	Mực nước gia cường khi xả lũ kiểm tra	m	614,16
4	Mực nước lũ thiết kế	m	613,18
5	Dung tích hồ chứa		
	Dung tích toàn bộ V _{tb}	10 ⁶ m ³	4,558
	Dung tích chết (V _c)	10 ⁶ m ³	1,604
	Dung tích hữu ích (V _{hi})	10 ⁶ m ³	2,954
III	Quy mô công trình		
1a	Đập dâng bờ trái		
	Cao độ đỉnh	m	614,5
	Chiều cao lớn nhất	m	19,5
	Chiều dài theo đỉnh	m	92,55
1c	Đập dâng bờ phải		
	Cao độ đỉnh	m	614,50

TT	CÁC THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
	Chiều cao lớn nhất	m	21,50
	Chiều dài theo đỉnh	m	68,94
2	Đập tràn		
2a	Đập tràn van phẳng		
	Cao độ ngưỡng	m	599,50
	Kích thước b x h	m	9x10,5
	Số cửa		2
	Chiều cao lớn nhất	m	21,5
	Lưu lượng xả kiểm tra	m ³ /s	1867,3
	Lưu lượng xả thiết kế	m ³ /s	1705,55
2b	Đập tràn tự do		
	Chiều rộng tràn	m	195,00
	Chiều cao tràn	m	20,00
	Lưu lượng xả kiểm tra	m ³ /s	3922,7
	Lưu lượng xả thiết kế	m ³ /s	2574,45
3	Cửa lấy nước		
	Số khoang		2
	Kích thước (BxH)	m	2x(8,4x12)
4	Nhà máy thủy điện		
	Loại		Turbin Bóng đèn
	Số tổ máy	Tổ	2
	Công suất đơn vị tổ máy (N _{tm})	MW	8,5
	Lưu lượng lớn nhất của nhà máy (Q)	m ³ /s	152,0
1	Lớn nhất (H _{max})	m	16,86
	Bình quân (H _{tb})	m	15,0
2	Tính toán (H _{tt})	m	12,70
2	Nhỏ nhất (H _{min})	m	12,21
5	Trạm phân phối		
	Cấp điện áp	kV	110
	Kích thước (LxB)	m	27x34
IV	Các chỉ tiêu năng lượng		
1	Công suất lắp máy (N _{lm})	MW	17

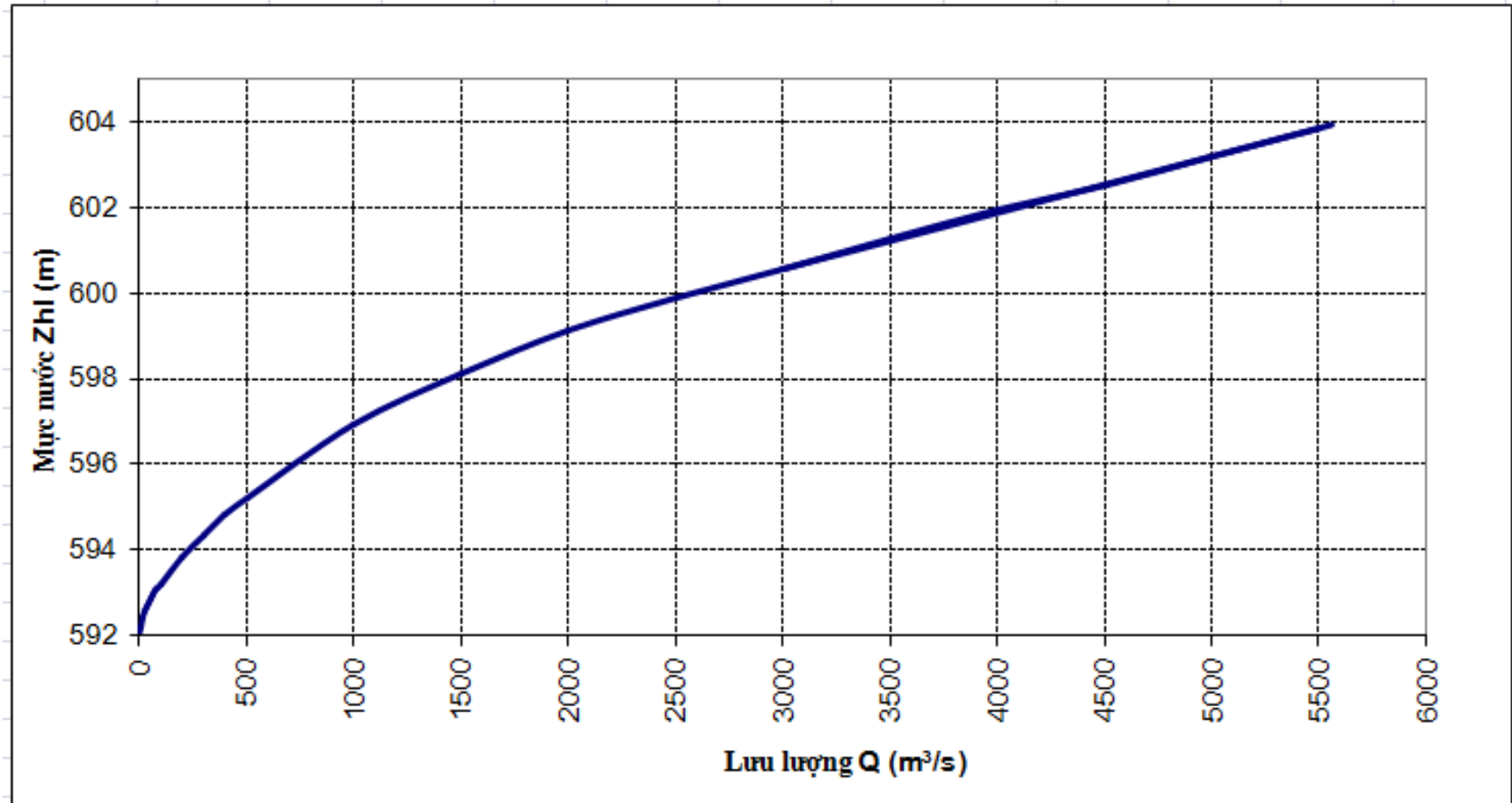
TT	CÁC THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
2	Công suất đảm bảo (Nđb)	MW	2,4
3	Điện lượng bình quân nhiều năm (E0)	10 ⁶ kWh	65,592
4	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	giờ	3858

PHỤ LỤC 2
QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN PLEI KẢN



Z (m)	594,00	600	601	602	603	604	605	606	607
F (km²)	0,005	0,100	0,151	0,202	0,253	0,304	0,355	0,509	0,663
W (10⁶m³)	0,000	0,316	0,441	0,618	0,846	1,124	1,453	1,885	2,471
Z (m)	608	609	610	611	612	612,5	613	614	615
F (km²)	0,817	0,971	1,125	1,371	1,617	1,741	1,864	2,110	2,356
W (10⁶m³)	3,211	4,105	5,154	6,402	7,897	8,767	9,638	11,624	13,857

PHỤ LỤC 3
QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG HẠ LƯU NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN PLEI KÀN



Q(m³/s)	0	10	20	30	40	50	60
Z_{hl}(m)	592,00	592,22	592,44	592,57	592,67	592,77	592,87
Q(m³/s)	70	80	90	100	200	300	400
Z_{hl}(m)	592,97	593,05	593,13	593,20	593,84	594,35	594,81
Q(m³/s)	500	1000	1500	2000	2500	3000	3500
Z_{hl}(m)	595,22	596,93	598,10	599,11	599,87	600,57	601,28
Q(m³/s)	4000	4500	5000	5500	3000	6000	
Z_{hl}(m)	601,95	602,52	603,18	603,84	600,57	604,50	

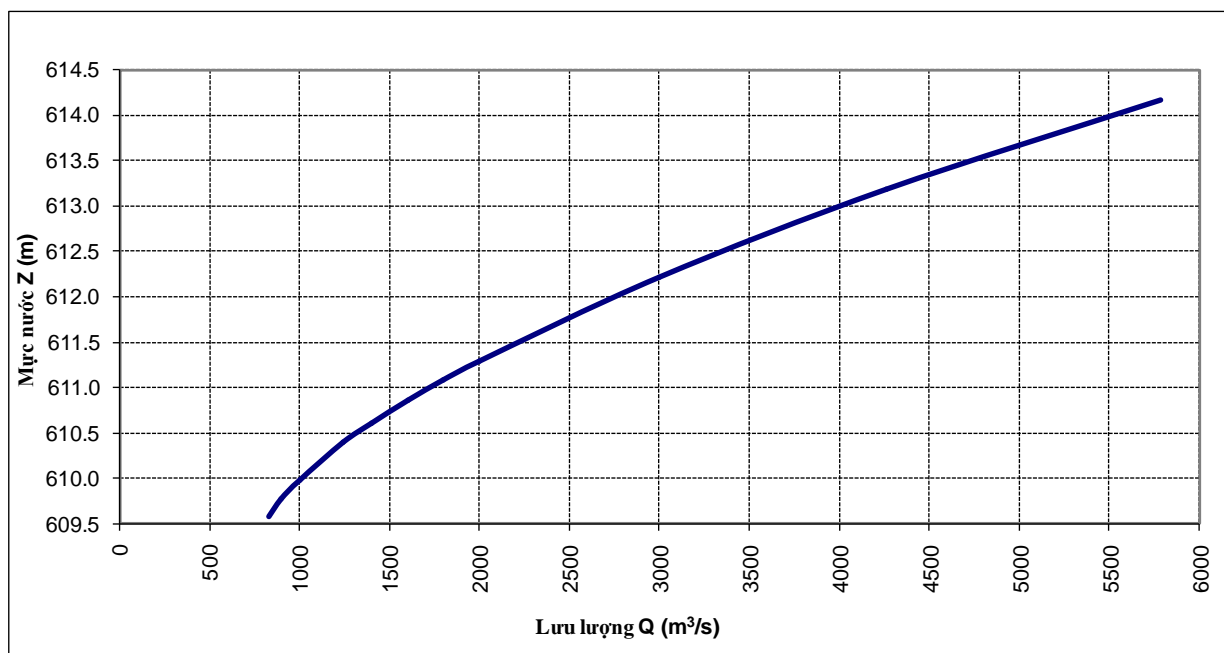
PHỤ LỤC 4
QUAN HỆ ĐỘ MỞ CỬA VAN VÀ LƯU LƯỢNG XẢ QUA TRÀN
CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN PLEI KẢN

Độ mở a (m)	Thứ tự mở cửa van/Lưu lượng xả tràn (m ³ /s)	
	Cửa van I	Cửa van II
0,5	1/33,2	6/188,96
1	2/65,37	7/221,13
1,5	3/96,53	8/252,29
2	4/126,66	9/282,42
2,5	5/155,76	10/311,52
3	12/367,61	11/339,57
3,5	14/366,54	13/393,52
4	16/419,42	15/445,31
4,5	18/470,08	17/494,83
5	20/518,42	19/542,01
5,5	22/564,34	21/586,67
6	24/607,65	23/628,65
6,5	26/648,17	25/667,69
7	28/685,59	27/703,47
7,5	30/719,53	29/735,58
8	32/749,53	31/763,48
8,5	34/774,96	33/786,44
9	36/795,00	35/803,56
9,5	38/808,59	37/813,62
10	40/814,31	39/815,00
Cửa van mở hoàn toàn	42/818,95	43/820,00

Ghi chú: Tử số: Số thứ tự của trình tự mở
 Mẫu số: Tổng lưu lượng xả qua tràn ứng với mực nước hồ chứa ở
 cao trình mực nước dâng bình thường 609,5 m.

PHỤ LỤC 5
QUAN HỆ MỨC NƯỚC VÀ LƯU LƯỢNG XẢ TRÀN CÔNG TRÌNH
THỦY ĐIỆN PLEI K KHI CÁC CỬA VAN MỞ HOÀN TOÀN

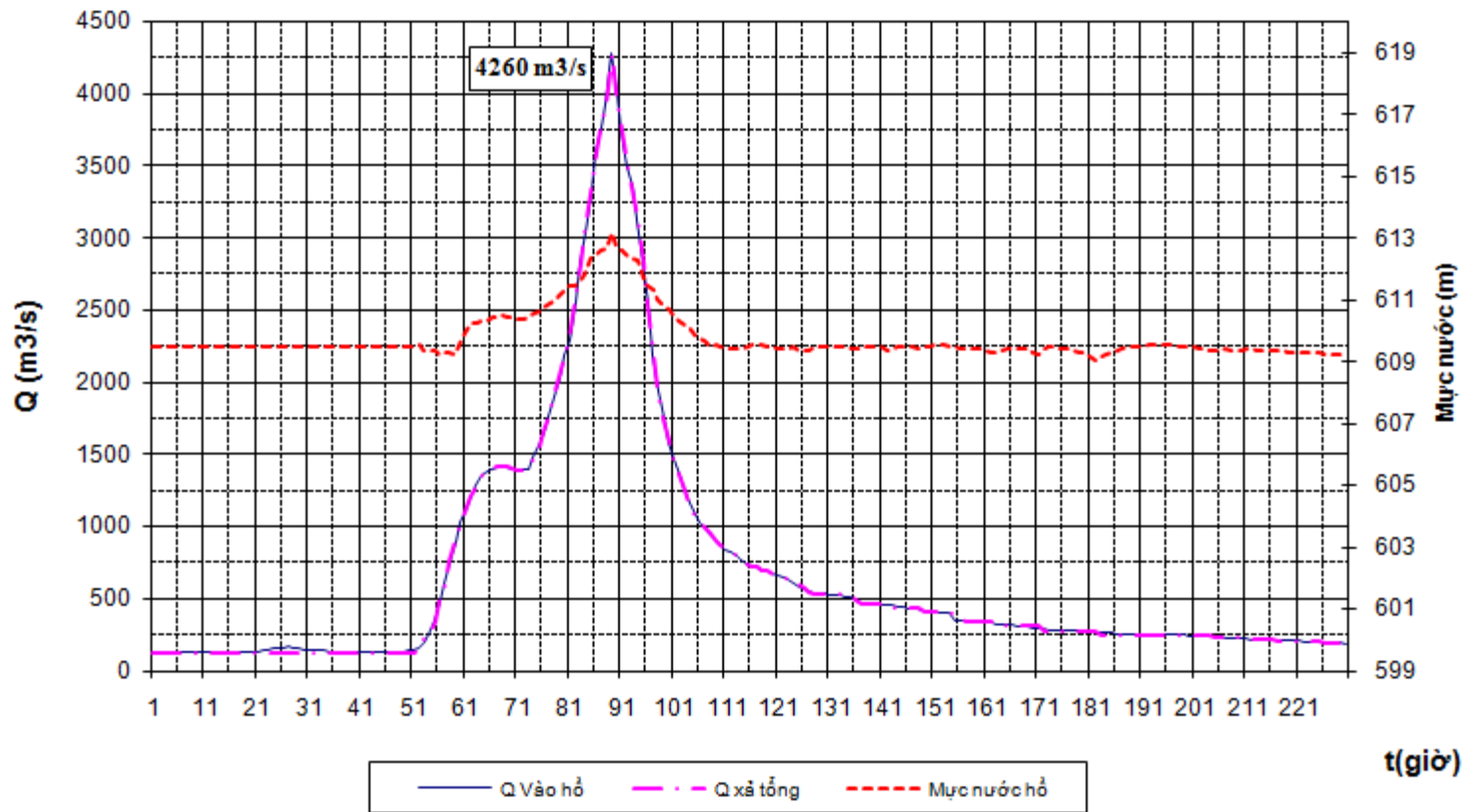
$H_{\text{tràn}}$ (m)	$Z_{\text{hồ}}$ (m)	$Q_{\text{tràn tự do}}$ (m^3/s)	$Q_{\text{tràn cửa van}}$ (m^3/s)	ΣQ (m^3/s)
4,66	614,16	4338,39	1441,61	5780,00
3,68	613,18	2967,16	1292,84	4260,00
2,72	612,22	1833,35	1166,65	3000,0
1,80	611,30	957,44	1042,56	2000,0
1,59	611,09	785,56	1014,44	1800,0
1,36	610,86	615,46	984,54	1600,0
1,11	610,61	447,82	952,18	1400,0
0,90	610,40	320,29	924,71	1245,0
0,49	609,99	127,22	872,78	1000,0
0,28	609,78	53,91	846,09	900,0
0,08	609,58	8,28	821,72	830,0



PHỤ LỤC 6
ĐỘ MỞ CỬA VAN ĐƯỜNG ỐNG XẢ DÒNG CHẢY TỐI THIỂU ỨNG VỚI
CÁC CẤP MỰC NƯỚC THUỐNG LƯU

TT	Mực nước thượng lưu (m)	Độ mở cửa van (%)	Lưu lượng tương ứng qua ống (m³/s)
1	MNDBT: 609,50	82,37%	4,61
2	609,0	84,07%	4,61
3	608,5	85,87%	4,61
4	608,0	87,80%	4,61
5	607,5	89,87%	4,61
6	607,0	92,09%	4,61
7	606,5	94,48%	4,61
8	606,0	97,07%	4,61
9	MNC: 605,5	100%	4,61

PHỤ LỤC 7
BIỂU ĐỒ ĐIỀU TIẾT LŨ TÀN SUẤT THIẾT KẾ P = 1,5% HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN PLEI KÀN
KẾT QUẢ ĐIỀU TIẾT LŨ TÀN SUẤT 1.5%
- CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN PLEI KÀN



PHỤ LỤC 8
BIỂU ĐỒ ĐIỀU TIẾT LŨ TÀN SUẤT THIẾT KẾ P = 0,5% HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN PLEI KÀN
KẾT QUẢ ĐIỀU TIẾT LŨ TÀN SUẤT 0.5%
- CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN PLEI KÀN

